

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 97

Tổ :

Trang 1/3

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 97-202501

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

CBGD: Nguyễn Long Vũ Tuấn

Mã nhận dạng 04888

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số D1 tờ (%)	Số D2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
1	14149248	NGÔ	DIỄN	DH14QMNT	1	8	7.4			
2	14149249	LÊ THỊ THANH	HÀNG	DH14QMNT	5	9	7.8			
3	14149250	DƯƠNG THỊ	HIỆP	DH14QMNT	6	9.4	8.2			
4	14149252	LÊ HOÀI	NAM	DH14QMNT	7	7	7.0			
5	14149255	PHAN THÀNH	NGUYỄN	DH14QMNT	8	10	9.4			
6	14149256	ĐÀNG THỊ CÔNG	NHÂN	DH14QMNT	5	10	8.5			
7	14149260	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH14QMNT	8	10	9.4			
8	14149261	HUYỀN LÊ HỒNG	THÚY	DH14QMNT	5	10	8.5			
9	14149262	HỒ THỊ CHUNG	TÌNH	DH14QMNT	8	10	9.4			
10	14149263	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH14QMNT	6	6	6.0			
11	14149265	THAI THỊ THÚY	TRÚC	DH14QMNT	5	10	8.5			
12	14149343	NGUYỄN VĂN VIỆT	BẢO	DH14QMNT	5	7	6.4			
13	14149344	PHẠM ĐÀNG	BẢO	DH14QMNT	6	6	6.0			
14	14149345	LÊ THỊ BẢO	CHÂU	DH14QMNT	6	10	8.8			
15	14149346	PHẠM MINH	CHÂU	DH14QMNT	6	7	6.7			
16	14149348	LÊ KHƯƠNG	CHÍNH	DH14QMNT	8	8	8.0			
17	14149350	TÔN LƯƠNG BÍCH	DIỆP	DH14QMNT	6	6	6.0			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 97

Tổ :

Trang 2/3

Mã nhận dạng 04888

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 97-202501

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

CBGD :

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số Đ 1 tổ (%)	Số Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tổ tròn điểm phần nguyên	Tổ tròn điểm phần lẻ
18	14149353	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	DH14Q/MNT	5	7	6.4			
19	14149354	TRƯƠNG THỊ KIÊN	GIANG	DH14Q/MNT	5	10	8.5			
20	14149355	LÊ THANH	HẢI	DH14Q/MNT	1	6	6.0			
21	14149355	HUYỀN THU	HÀNG	DH14Q/MNT	5	10	8.5			
22	14149359	VÕ HUY	HOÀNG	DH14Q/MNT	6	6	6.0			
23	14149360	LÊ ANH	HỒ	DH14Q/MNT	5	7	6.4			
24	14149362	TRẦN THỊ XUÂN	HƯƠNG	DH14Q/MNT	5	9	7.8			
25	14149363	HUYỀN LÊ	KHANH	DH14Q/MNT	6	6	6.0			
26	14149364	PHAN THÁI	KHANH	DH14Q/MNT	5	9	7.8			
27	14149365	THÔNG KIM	KHÁNH	DH14Q/MNT	8	8	8.0			
28	14149366	TRẦN ANH	KHOA	DH14Q/MNT	8	8	8.0			
29	14149367	LÀ THỊ KIM	KHUYẾN	DH14Q/MNT						
30	14149369	NGUYỄN THỊ KIM	LÀNH	DH14Q/MNT	5	8	7.1			
31	14149373	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14Q/MNT	5	7	6.4			
32	14149374	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14Q/MNT	7	7	7.0			
33	14149377	VÕ NGỌC PHƯƠNG	NAM	DH14Q/MNT	7	9	8.4			
34	14149378	TRẦN THỊ MINH	NGA	DH14Q/MNT	6	10	8.8			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 97

Tổ :

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ I - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 97-202501

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số Đ 1 : tờ (%)	Đ 2 : (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14149379	LÊ THỊ THU	NGÂN	DH14Q0MNT	<i>Thuy</i>	5	10	8.5		
36	14149380	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	DH14Q0MNT	<i>Tuy</i>	6	8	7.4		
37	14149384	ĐÀO DUY	NHÂN	DH14Q0MNT	<i>Nhan</i>	6	7	6.7		
38	14149385	ĐỖ TẤN	NHẬT	DH14Q0MNT						
39	14149386	NGUYỄN QUÁCH Ý	NHI	DH14Q0MNT	<i>Quy</i>	7	9	8.4		
40	14149387	ĐẰNG THỊ MINH	NHƯ	DH14Q0MNT	<i>Minh</i>	6	9	8.1		
41	14149388	TRẦN THỊ KHÁNH	NHƯ	DH14Q0MNT	<i>Kh</i>	6	8	7.4		
42	14149389	NGÔ TRIỆU	PHÁT	DH14Q0MNT	<i>Tri</i>	8	10	9.4		
43	14149390	PHAN HIẾU	PHONG	DH14Q0MNT	<i>Phu</i>	5	7	6.4		
44	14149392	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH14Q0MNT	<i>Phu</i>	6	6	6.0		
45	14149395	ĐẶNG ĐỨC	QUYNH	DH14Q0MNT	<i>De</i>	5	7	6.4		
46	14149396	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUYNH	DH14Q0MNT	<i>Nhu</i>	5	8	7.1		
47	14149397	TRẦN PHAN TRÚC	QUYNH	DH14Q0MNT	<i>Truc</i>	5	7	6.4		
48	14149398	NGUYỄN THỊ	SANG	DH14Q0MNT	<i>Sang</i>	5	9	7.8		
49	14149404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THAO	DH14Q0MNT	<i>Pha</i>	6	9	8.1		
50	14149405	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH14Q0MNT	<i>Pha</i>	7	10	9.1		
51	14149407	NGUYỄN THỊ THANH	THAI	DH14Q0MNT	<i>Tha</i>	5	9	8.5		

Mã nhận dạng 04888

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 97

Tổ :

Trang 4/3

Mã nhận dạng 04888

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 97-202501

CBGD :

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số điểm tổng (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	14149409	PHƯƠNG AI	THI	DH14Q0MNT	5	8	7.1		
53	14149413	TRƯƠNG THỊ MINH	THU	DH14Q0MNT	5	8	7.1		
54	14149414	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	DH14Q0MNT	5	9	7.8		
55	14149415	NGUYỄN THỊ CẨM	TIẾN	DH14Q0MNT	6	9	8.1		
56	14149416	NGUYỄN ĐĂNG CAO	TIẾN	DH14Q0MNT	8	8	8.0		
57	14149417	HUYỀN THỊ NHÀN	TÌNH	DH14Q0MNT	5	8	7.1		
58	14149418	ĐỖ THỊ HUỖN	TRANG	DH14Q0MNT	5	10	8.5		
59	14149419	ĐÀU KHẮC	TRIỀU	DH14Q0MNT	6	7	6.7		
60	14149420	TRẦN TỎ	TRÌNH	DH14Q0MNT	5	9	7.8		
61	14149421	ĐẶNG THỊ MỸ	TRÌNH	DH14Q0MNT	5	9	7.8		
62	14149424	ĐÀO NHẬT	TRONG	DH14Q0MNT	5	7	6.4		
63	14149425	NGUYỄN MINH	TRÔNG	DH14Q0MNT	6	7	6.7		
64	14149426	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	DH14Q0MNT	8	9	8.7		
65	14149427	NGUYỄN THỊ BÔI	TUYẾN	DH14Q0MNT	7	10	9.1		
66	14149428	TRẦN MINH	TUYẾN	DH14Q0MNT	5	7	6.4		
67	14149429	NGUYỄN HỮU NGỌC	TU	DH14Q0MNT	7	10	9.1		
68	14149430	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	DH14Q0MNT	6	10	8.8		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 97

Tổ :

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 97-202501

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

CBGD: Ngô Long Vũ Nguyễn

Mã nhận dạng 04888

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số D 1 D 2 (%) (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
69	14149431	PHẠM THANH	DH14Q/MNT	<u>Thanh</u>	5	8	7.1	•	•
70	14149432	NGUYỄN THỊ BÍCH	DH14Q/MNT	<u>Bích</u>	5	10	8.5	•	•
71	14149433	TÔNG THỊ HOÀNG BÍ	DH14Q/MNT	<u>Bích</u>	6	10	8.8	•	•
72	14149436	NGUYỄN THỊ HOÀNG	DH14Q/MNT	<u>Hoàng</u>	5	8	7.1	•	•
73	14149439	NGUYỄN TRẦN ANH	DH14Q/MNT	<u>Anh</u>	5	10	8.5	•	•
74	14149440	NGUYỄN THỊ	DH14Q/MNT	<u>Nguyễn</u>	5	10	8.5	•	•

Số lượng vắng: 03 Hiện diện: 71

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Long Vũ Nguyễn

Ngô Long Vũ Nguyễn